

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6550 /QĐ-CAT-CSGT

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số 100 thí sinh, trong đó: hạng B: 100 thí sinh (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày **18/12/2025**, tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng (địa chỉ: thôn Khánh Thành, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Lê Thị Mỹ Lương, Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát giao thông, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Trung tá Biện Lê Quý, Chức vụ: Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Ông: Đặng Lê Nhật Nguyên, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng, Ủy viên Hội đồng.

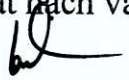
4. Đồng chí Thiếu tá Trần Đức Quyên, Chức vụ: Cán bộ, thư ký.

5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí Trung tá Đồng Thành Trung, sát hạch viên;
- Đồng chí Thiếu tá Trần Thanh Tân, sát hạch viên;
- Đồng chí Thiếu tá Nguyễn Minh Nghĩa, sát hạch viên;
- Đồng chí Trung tá Phan Ngọc Tuấn, sát hạch viên;
- Đồng chí Đại úy Đào Văn Quyết, sát hạch viên;
- Đồng chí Đại úy Nguyễn Phú Thịnh, sát hạch viên.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CSGT (SHLX).



Đại tá Lê Quang Dũng

PHỤ LỤC VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 652/QĐ-CAT-CSGT ngày 09/12/2025 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	LÊ THỊ NGỌC ANH	10/07/1994	042194013551	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561144003446/A1	56003-20250614075847387	
2	PHAN NỮ HOÀNG ANH	10/02/1994	056194006616	P. Cam Phúc Bắc, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	561107001823/A1	0000525	
3	LÊ THỊ ÁNH	03/09/1990	040190022022	12/14 Tân Hòa Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000509	
4	TRẦN TIẾN BẰNG	09/09/1990	066090011176	218 Nguyễn Văn Cừ Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000389	
5	BÙI THỊ NGỌC CẨM	15/07/1979	079179026451	379 Lê Hồng Phong Phường Vườn Lái, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ		0000669	
6	NGUYỄN HỮU CÁN	01/01/1982	056082000448	Bãi Giếng 3, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560035022782/A1	0001329	
7	NGUYỄN QUỐC CHÂU	27/08/2001	056201002225	Phước Lộc Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560205006231/A2	0000512	
8	NGUYỄN NGỌC MINH CHIẾN	22/07/1996	056096003641	Trường Thạnh Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560249004215/A1	0000670	
9	VÕ ĐÌNH CƯỜNG	21/02/1986	056086006916	Tổ 4 Vĩnh Diễm Trung Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001331	
10	VÕ TRIỀU ĐẠI	10/01/1988	042088021911	Tổ 3 Hòa Trung Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000732	
11	NGUYỄN THÀNH DANH	03/12/2003	056203012339	86 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000733	
12	LÊ THỊ NGỌC LAN ĐÌNH	18/12/1972	056172002738	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561037003766/A1	0001372	
13	NGUYỄN THỊ ĐOAN	24/06/1998	054198006624	Chánh Lộc Xã Xuân Lộc, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		0000672	
14	ĐỖ ANH ĐỨC	01/12/1996	001096008219	10B Hàng Cháo Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	Hợp Lệ	790168226078/A1	0001333	
15	LÊ VĂN ĐỨC	06/06/1967	056067004029	Bãi Giếng 2 Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560958003109/A1	0000565	
16	LÊ THỊ DUNG	20/10/1990	038190021820	Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561107001823/A1	0000777	
17	NGUYỄN THANH DỪNG	27/05/2002	056202007461	Phú Thạnh Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000516	
18	PHẠM VĂN DỪNG	12/05/1978	056078008772	Vĩnh Châu Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000517	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
19	ĐINH VĂN DŨNG	13/03/1991	056091004292	Võ Đông Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560159060673/A1	0000673	
20	HOÀNG VĂN NHẬT DƯƠNG	04/01/2002	070202005688	Ấp Tân Phong Xã Tân Tiến, Tỉnh Đồng Nai	Hợp Lệ	740200013076/A1	0001334	
21	NGUYỄN LÊ THÀNH DUY	10/10/1986	056086008451	38B Võ Trứ, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001335	
22	NGUYỄN TẤN DUY	23/04/1993	056093006550	Lập Định 2 Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560202004005/A1	0000674	
23	TÔ HOÀNG DUY	22/09/1992	056092003086	Xuân Hòa 2 Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000736	
24	TRƯƠNG ĐÌNH DUY	16/02/2002	056202006988	Phú Hòa Xã Tân Định, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560244010493/A1	0000737	
25	CAO VĂN HẢI	10/06/1991	036091013853	Phước Tân X. Phước Đồng, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560107007071/A1	0000557	
26	NGUYỄN VĂN HẢI	15/12/1982	056082002215	Trường Lạc Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000638	
27	NGUYỄN XUÂN HIỀN	15/07/1996	056096000181	Trường Thạnh Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560149006395/A1	0000679	
28	VĂN TẤN HIỀN	09/02/2004	056204011593	Thôn 1 Xã Hòa Trí, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001337	
29	PHAN ĐỨC HIỆP	20/05/1998	052098006914	Đại Sơn Xã Phú Mỹ Nam, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ	460182000959/A1	0001338	
30	NGUYỄN THANH HÒA	11/04/2002	056202003803	Phú Vinh Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560206011902/A1	0001339	
31	PHAN VŨ HẢI HOÀN	20/11/1985	056185002350	Lô 03-10 Kđtm Phước Long, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250823094122877	
32	HUỶNH TẤN HOÀNG	04/03/1997	056097009517	Phú Lộc Tây 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560240008212/A1	0001340	
33	LŨ THI HOÀNG	16/08/1995	056095013335	80/11/3 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560136004160/A1	0000570	
34	ĐÀO THÊ HÙNG	01/10/1995	056095011321	Đồng Bình Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	540150003976/A1	0001341	
35	NGUYỄN VĂN HÙNG	27/09/2003	056203000564	Tổ Dân Số 08, Xã Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560229008583/A1	0001342	
36	TRẦN QUANG HÙNG	15/03/1984	035084003571	Thôn 1 Xã Nam Lý, Tỉnh Ninh Bình	Hợp Lệ	350048004769/A1	0001343	
37	NGUYỄN THÀNH HÙNG	01/09/1998	058098003970	Suối Giếng Xã Công Hải, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560171000039/A1	0000522	
38	HUỶNH QUỐC HUY	15/11/2002	056202002922	Phú Lộc Tây 4, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001344	
39	VÕ GIA HUY	30/05/2001	056201000839	08 Hát Giang, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560192006609/A1	0001345	
40	PHẠM VĂN HUY	16/02/1988	048088006599	Gia Mỹ Xã Bắc Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000524	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
41	CHU MINH HUY	15/10/1990	054090001276	129 Trần Nhật Duật Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000681	
42	VÕ LÊ HUY	10/10/1994	066094003808	Thôn 4 Xã Ea Nuôi, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	560244001790/A1	0000745	
43	NGUYỄN HOÀNG KHẢI	09/06/1984	054084004256	Đồng Cau Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000645	
44	TRẦN QUỐC KHÁNH	20/03/1968	052068001941	Xuân Đông X. Xuân Đông, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0004966	
45	NGUYỄN THÀNH KHÁNH	12/11/1981	056081004475	Dầu Sơn Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560051002373/A1	0000684	
46	THÂN VĂN QUỐC KHÁNH	02/05/1988	056088004595	Đồng Cau Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000747	
47	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	18/09/2004	056204000349	Phủ Khánh Hạ Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560224011944/A1	0000526	
48	MAI TRẦN KIÊN	13/06/1998	056098000187	10/17 Pasteur Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560162006251/A1	0001346	
49	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	06/06/1980	080180016587	8 A Ô 6 Khu B Xã Hậu Nghĩa, Tỉnh Tây Ninh	Hợp Lệ		0000748	
50	KIỀU LẮC	01/09/1972	056072006661	Vĩnh Phú Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560023005744/A1	0000575	
51	HUỶNH THỊ LAN LINH	28/10/1990	056190009208	TDP 8 Bình Tây, Phường Đồng Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001347	
52	NGUYỄN XUÂN LỘC	26/05/1990	056090008618	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001370	
53	DƯƠNG VIỆT MUỘN	04/09/1991	001091031028	Đội 8, Thôn 5 Xã Quảng Bị, Thành phố Hà Nội	Hợp Lệ	560207006053/A1	0001349	
54	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	10/08/2003	056203004760	Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560230005261/A1	0001068	
55	NGUYỄN HỮU NGHĨA	18/10/2005	056205006119	Thôn Quảng Hội 1, Xã Vạn Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001350	
56	ĐẶNG DƯƠNG MỸ NGÔN	17/08/2000	056300000983	118/7 Phương Sài, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250820151031303	
57	PHẠM CAO NGUYỄN	02/01/1994	066094024217	29/18 Trường Sa, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001351	
58	NGUYỄN HOÀNG NHÂN	19/06/1997	056097008691	Thôn Trung Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560163000951/A1	0000650	
59	NGUYỄN VĂN NHẬT	12/10/1987	036087016901	Xã Giao Thủy, Tỉnh Ninh Bình	Hợp Lệ	560241002570/A1	0000752	
60	PHAN MINH NHẬT	23/05/2002	056202009557	Dinh Thành 2 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000535	
61	NGUYỄN LÊ HOÀNG NHI	13/03/1997	056197019817	Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	791174031069/A1	0001371	
62	PHAN THÀNH NHƠN	22/08/1999	056099003822	Cam Hòa Xã Diên Điện, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560208000528/A1	0001352	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
63	TRẦN NGUYỄN LONG PHI	12/10/1983	056083006743	05 Trịnh Phong Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001353	
64	VÕ THIÊN PHÚ	10/05/2004	056204000380	Phú Ân Nam 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560249002307/A1	0000536	
65	NGUYỄN THÀNH PHÚC	22/12/1987	056087009682	Khánh Thành Bắc Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560074002338/A1	0000584	
66	HỒ THANH QUANG	07/01/2002	056202012415	02 Vạn Hòa, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001354	
67	VÕ VĂN QUÝ	17/01/1989	056089007226	52/15 Trần Phú Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560077000810/A1	0000539	
68	LÊ THỤY ĐỖ QUYÊN	15/01/1984	056184005395	53 Đường B6 Ktdc Ven Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001355	
69	VÕ KIM SANG	11/03/1999	056099006604	Thôn 5 Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560244002348/A1	0001356	
70	NGUYỄN THỊ TUYẾT SƯƠNG	23/11/1987	056187011209	Thôn Sơn Lộc, Xã Nam Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561091002305/A1	56003-20250821163611987	
71	NGUYỄN VĂN TÂM	04/04/1990	056090001939	Bích Đàm Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560086006894/A1	0000698	
72	NGUYỄN KHẮC QUANG THẠCH	01/01/1986	056086008618	Hậu Phước Phường Hòa Thắng, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560042004175/A1	0001357	
73	NGUYỄN THÁI	08/06/1959	052059007617	Tổ 11 Vĩnh Hội Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001358	
74	VÕ NGỌC THÁI	19/10/2001	056201011010	Phước Điền Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560190382790/A1	0000545	
75	NGUYỄN THỊ KIM THANH	27/11/1994	056194008497	Tân Khánh Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561150001047/A1	0000659	
76	VÕ THỊ NGỌC THẢO	15/08/1993	054193003813	Phước Nông, Xã Tây Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		56003-20250614073016120	
77	HUỖNH NGÔ PHƯƠNG THẢO	01/12/2003	056303011046	Tổ 18 Vĩnh Diễm Thượng, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561222008503/A1	0001359	
78	NGUYỄN THỊ THU THẢO	26/12/1985	0561850001712	Số 46/9 Tân An Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000589	
79	BÙI VĂN THIẾT	24/08/1985	056085010364	Tổ 22 Tây Bắc Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001360	
80	LÊ THỊ HUYỀN THU	08/04/1987	056187013081	Xuân Lạc, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001361	
81	NGUYỄN THỊ THANH THU	19/08/1988	042188006047	Yên Thọ Phường Trần Phú, Tỉnh Hà Tĩnh	Hợp Lệ		0000593	
82	LÊ NGUYỄN HOÀI THƯ	25/08/1997	056197001972	Tổ 6 Phước Lộc, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001362	
83	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	05/02/1998	056098001502	Đồng Dinh Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001363	
84	HỒ VĂN THỨC	07/10/2003	056203007705	48 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000760	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
85	TRƯƠNG THỊ LỆ THÙY	02/01/1989	056189008986	3/29 Trần Quang Khải Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561084000798/A1	0000547	
86	LÊ HUỖNH TÚC TÍN	15/04/1988	056088003809	Tổ 6 Ngọc Hội Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000800	
87	TRƯƠNG THỊ THẢO TRANG	21/04/1976	056176010397	Đồng Môn 1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561094001804/A1	0000701	
88	NGUYỄN LÊ MINH TRIẾT	18/11/1996	056096000998	30T Đồng Nai P. Phước Hải, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000667	
89	BÙI NGUYỄN ANH TRÚC	25/09/1982	056082005842	34A Hà Ra Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000551	
90	NGUYỄN TƯỜNG TRUNG	13/06/1999	054099007374	Ninh Tĩnh 4, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	560178004034/A1	0001364	
91	NGUYỄN ĐAN TRƯỜNG	12/09/1999	060099009525	Thôn Hiệp Hòa Xã Sơn Mỹ, Tỉnh Lâm Đồng	Hợp Lệ	560202014932/A1	0001365	
92	NGÔ VĂN TRUYỀN	22/03/1993	056093001569	Vũng Ngán Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001366	
93	NGUYỄN PHAN NGỌC TÚ	03/06/2004	056304000294	Phú Lộc Đông 3 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561222006668/A1	0000603	
94	ĐẶNG QUANG TUẤN	10/01/2000	056200011555	6 Hẻm 2 Bửu Đóa Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560188008749/A1	0001367	
95	NGUYỄN QUỐC TUẤN	12/07/1988	056088008907	Xã Diên Điện, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560136003486/A1	0001087	
96	ĐOÀN QUANG TUYỀN	02/01/1985	048085001714	Nv 03-10 Kđtm Phước Long, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250823093813107	
97	NGUYỄN THỊ MỘNG TUYỀN	23/10/1985	056185006458	Vĩnh Diễm Trung Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000605	
98	BÙI DUY VƯƠNG	12/07/1982	079082004213	20A Đường 475 Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ		0001368	
99	TRẦN THẢO VY	09/04/1998	068198011524	Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	791206040265/A1	56003-20250529163050117	
100	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	22/09/1994	086194009796	Ấp 4 Xã Trung Hiệp, Tỉnh Vĩnh Long	Hợp Lệ	561133005589/A1	0000320	